

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

ThS. NGUYỄN HOÀNG HẢI

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Để phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta chủ trương phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT).

Một trong những nội dung quan trọng để chủ động HNKTQT là nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước (QLNN) trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Theo chúng tôi, cần chú trọng những vấn đề sau:

1. Xây dựng chiến lược HNKTQT.

Chiến lược mở rộng kinh tế đối ngoại và HNKTQT là một phần của chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội. Cần xây dựng và thực hiện một chiến lược mở rộng kinh tế đối ngoại, chủ động HNKTQT với định tính và định lượng rõ ràng, đủ tầm nhìn xa, rộng và tính thiết thực, trong đó có chủ trương với từng đối tác, đặc biệt là những đối tác lớn, từng lĩnh vực hội nhập, từng vấn đề phải xử lý, từng cam kết phải thực hiện, từng cơ hội phải tận dụng, từng trở ngại phải vượt qua..., có lộ trình xác định đúng ưu tiên, những bước đi và biện pháp thực hiện, vạch rõ các tác nhân theo một sự phân công hợp lý, các phương tiện và cách thức thi hành, bao gồm cả cách thức kiểm tra và đánh giá kết quả. Trong chiến

lược HNKTQT, việc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) là một bước rất quan trọng.

2. Xây dựng và thực hiện quy hoạch.

Để bảo đảm tính thống nhất của cả 3 loại quy hoạch (phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, phát triển đô thị và nông thôn) ở cấp quốc gia, quy hoạch phải do Chính phủ nắm, các ngành trung ương có trách nhiệm phối hợp. Chính phủ chỉ quyết định những quy hoạch lớn có tính nguyên tắc, định hướng phát triển các ngành, vùng lớn và có tính liên ngành, liên vùng. Quy hoạch vùng (không có cấp hành chính) do trung ương quản lý, điều phối. Quy hoạch tỉnh phải tuân theo quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, nhưng cần tránh chia cắt theo địa giới hành chính mà phải liên kết các tỉnh trong vùng. Tỉnh phải quản lý quy hoạch từ tỉnh cho đến huyện.

Cần bỏ lối quy hoạch hành chính, áp đặt, không khả thi, không tính đến nhu cầu của thị trường. Quy hoạch phải xuất phát từ yêu cầu HNKTQT, thị trường trong nước và ngoài nước; thế mạnh và chỗ yếu của sản phẩm nước ta trong từng giai đoạn; từ đó có bước đi và lộ trình nâng cao khả năng cạnh tranh cho từng sản phẩm ở từng vùng. Quy hoạch phải

được hiệu chỉnh kịp thời đáp ứng thay đổi nhu cầu của thị trường.

Quy hoạch phải được dân chủ hoá, công khai hoá. Cần đề cao vai trò hội đồng nhân dân trong việc xem xét, xác định quy hoạch cụ thể tại địa phương, đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra thực hiện quy hoạch.

Cần có quy định phân cấp quản lý quy hoạch mạnh hơn cho các cấp chính quyền địa phương; làm rõ trách nhiệm và thẩm quyền của chính quyền cấp tỉnh và các cấp dưới theo nguyên tắc: phân cấp công việc gắn liền với phân cấp về tổ chức, cán bộ và ngân sách; phân cấp thẩm quyền đi liền với xây dựng nguyên tắc, quy chế giải quyết công việc để công tác hành chính vừa tuân thủ sự thống nhất về thể chế, vừa sâu sát với dân và dân dễ kiểm tra.

3. Xây dựng thể chế.

Cần đổi mới hệ thống thể chế để không bảo hộ quá đáng các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), không dung dưỡng độc quyền và bao cấp có hại; cần mở rộng sự tham gia cho khu vực tư nhân, đối xử thoả đáng với hoạt động đầu tư và kinh doanh của người nước ngoài tại Việt Nam, tạo môi trường thuận lợi cho HNK-TQT đúng đắn; tiến hành những cuộc đàm phán và ký kết về hội nhập kinh tế song phương và đa phương, tổ chức chỉ đạo cuộc HNKTQT của cả nước, phấn đấu giành thành quả cao nhất, bảo đảm định hướng và các nguyên tắc của chế độ, bảo vệ lợi ích của Việt Nam.

Nhà nước cần hướng dẫn cụ thể để nâng cao sức cạnh tranh cho hàng hoá và dịch vụ, lựa chọn những sản phẩm có khả năng, triển vọng cạnh tranh thắng lợi, theo một chương trình có mục tiêu, biện pháp và bước đi rõ ràng.

4. Xây dựng pháp luật phục vụ việc gia nhập WTO.

Sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) tương thích với các nguyên tắc, quy định của WTO và phù hợp với các thoả thuận song phương đã cam kết khi đàm phán gia nhập WTO là việc cần thực hiện khẩn trương và ưu tiên hàng đầu. Những văn bản này gồm: hạ thấp hàng rào thuế quan; mở cửa thị trường; cam kết thực thi Hiệp định về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại (TRIPs), Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMs), Hiệp định trị giá, Hiệp định về các rào cản thương mại (TBT).

Trong quý I năm 2005, Chính phủ đã xin ý kiến Quốc hội về Chương trình xây dựng pháp luật phục vụ quá trình đàm phán gia nhập WTO. Theo chương trình này, có 26 luật và 4 pháp lệnh được sửa đổi, bổ sung và làm mới, trong đó đáng chú ý là đề nghị thông qua Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư (sửa đổi) vào tháng 10-2005, sớm hơn dự kiến; bổ sung Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) và Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) vào Chương trình trình Quốc hội thông qua tháng 10-2005.

Để các VBQPPL có chất lượng và tính khả thi cao, cần cải tiến việc tổ chức soạn thảo theo hướng tăng cường thu hút các chuyên gia giỏi, tập hợp ý kiến của những người trực tiếp thi hành pháp luật và huy động trí tuệ của các tổ chức xã hội, hiệp hội nghề nghiệp tham gia. Điều quan trọng nhất là cơ quan được giao soạn thảo văn bản phải "gạn hết sạn" thuộc về kỹ thuật, nêu được những vấn đề cốt lõi về cái được, cái mất khi gia nhập WTO. Trường hợp chưa chuẩn bị kịp những VBQPPL thuộc diện sửa đổi, bổ

sung thì có thể chuẩn bị một Luật sửa đổi, bổ sung cho nhiều luật. Cách làm này đòi hỏi các chuyên gia soạn thảo phải nắm được các cam kết đa phương, song phương mà Việt Nam sẽ phải thực hiện khi gia nhập WTO và hiểu biết tường tận các quy định trong các VBQP-PL hiện hành.

5. Tiếp tục đổi mới QLNN đối với DNNN.

Hiện nay DNNN đang có mặt trong hầu hết những lĩnh vực quan trọng như công nghiệp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, cung ứng những dịch vụ cơ bản, nắm giữ 75% tài sản cố định của quốc gia, 20% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, gần 50% tổng vốn đầu tư nhà nước, 60% tổng lượng tín dụng ngân hàng trong nước, hơn 70% tổng vốn vay nước ngoài, trên 90% tổng các doanh nghiệp Việt Nam tham gia hợp tác đầu tư với nước ngoài và phần lớn nguồn nhân lực có chất lượng cao. Để phát huy vai trò của DNNN trong việc mở rộng kinh tế đối ngoại và HNKTQT, công tác QLNN cần hướng trọng tâm vào việc ban hành thể chế và nâng cao chất lượng cổ phần hoá DNNN thông qua việc thực hiện những chính sách mới theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9 khoá IX của Đảng: cổ phần hoá cả những tổng công ty và DNNN lớn, tránh cổ phần hoá khép kín trong nội bộ doanh nghiệp, niêm yết các DNNN đã cổ phần hoá trên thị trường chứng khoán...

Theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9 khoá IX, các cơ quan QLNN phải có chương trình, kế hoạch giảm ngay và tiến tới xoá bỏ đặc quyền kinh doanh bất hợp lý đang được áp dụng cho DNNN (như các ưu đãi về cho thuê đất, vay ngân hàng không có thế chấp, được cấp tín dụng ưu đãi và được khoan nợ, xoá nợ khi làm

ăn thua lỗ...). Đây là việc làm để tạo một "sân chơi" cho mọi loại hình doanh nghiệp được cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt đối xử, một nguyên tắc rất cơ bản của WTO mà Việt Nam cam kết thực hiện. Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều có quyền tham gia sản xuất, cung ứng dịch vụ công theo phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu, trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc nhiệm vụ quốc phòng, an ninh do công ty quốc phòng, an ninh đảm nhận.

Cần có quy định cụ thể để không biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp; tách các hoạt động thuộc độc quyền nhà nước như mạng trực thông tin quốc gia và quốc tế, hệ thống truyền tải điện quốc gia... khỏi các tổng công ty kinh doanh trong lĩnh vực này; điều tiết thu nhập siêu lợi nhuận do được kinh doanh trong lĩnh vực độc quyền và đặc quyền.

Tăng cường giám sát, nhất là giám sát tình hình tài chính doanh nghiệp. Bên cạnh việc ban hành cơ chế giám sát của cộng đồng (người hưởng thụ và thông tin đại chúng), cần nghiên cứu thực hiện việc giám sát của ban hàng (ngân hàng, bên thực hiện hợp đồng) và đối thủ cạnh tranh.

Tiếp tục loại bỏ cơ chế "chủ quản". Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 9 khoá IX đã đề ra chủ trương nghiên cứu thành lập công ty đầu tư tài chính của nhà nước và cơ quan QLNN để thực hiện thống nhất và có hiệu quả chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đầu tư vào mọi ngành trong nền kinh tế quốc dân. Thực hiện chủ trương này chính là tạo điều kiện để các bộ và uỷ ban nhân dân cấp tỉnh chuyển từ chức năng quản lý theo cơ chế "chủ quản"

sang thực hiện chức năng QLNN đối với DNNN như đối với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

6. Tạo thêm điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển.

Kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành kinh tế quốc dân và ngày càng có vị trí quan trọng (chiếm 40% GDP và thu hút hầu hết số lao động mới gia nhập thị trường trong hơn 10 năm qua). Tuy vậy, kinh tế tư nhân vẫn chưa được nhìn nhận, đánh giá đúng mức trong quan niệm và nhận thức xã hội.

Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX đã khẳng định “Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong chiến lược phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao nội lực của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế”. Theo tinh thần đó, các cơ quan QLNN cần phải coi kinh tế tư nhân là đối tác mà mình phục vụ. Cần sớm chấm dứt tình trạng ban hành quy định có tính bắt buộc phổ biến xuất phát từ việc ngăn chặn các hành vi làm ăn gian dối của một số doanh nghiệp mà không chú ý đầy đủ đến yêu cầu và lợi ích của số đông các doanh nghiệp làm ăn nghiêm túc.

7. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Một trong những việc làm quan trọng nhất là tạo môi trường thể chế ổn định, nhất quán để các nhà đầu tư nước ngoài yên tâm làm ăn lâu dài ở Việt Nam. Chính phủ đang xúc tiến trình Quốc hội Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư, áp dụng chung cho đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài; sửa đổi, bổ sung những

luật khác phù hợp với các quy định của các định chế quốc tế và khu vực mà Việt Nam cam kết hội nhập. Việc làm tiếp theo là đẩy nhanh việc tạo lập đồng bộ các loại thị trường, trước hết là thị trường bất động sản, vốn, lao động và khoa học công nghệ; tiếp tục cải thiện kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Cần tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài được đầu tư kinh doanh nhiều hơn trong các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực kinh doanh bất động sản và các hoạt động dịch vụ có giá trị gia tăng cao như tài chính, ngân hàng, pháp lý, vận tải hàng không, đường biển, viễn thông, thương mại.

Các cấp chính quyền cần tăng cường công tác quản lý, điều hành để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ các dự án FDI hoạt động có hiệu quả. Tiếp tục thực hiện phân cấp quản lý cho các địa phương.

Các cơ quan chức năng cần đẩy nhanh việc thi hành Nghị định 38/2003/NĐ-CP ngày 15-4-2003 của Chính phủ về chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn FDI sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp này được niêm yết tại thị trường chứng khoán.

Các cơ quan hành chính, nhất là hải quan, thuế vụ, quản lý thị trường, thanh tra, kiểm tra cần có thái độ đối xử công bằng, tinh thần phục vụ đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, trong đó có doanh nghiệp FDI.

Đổi mới và đẩy mạnh công tác vận động, xúc tiến đầu tư theo một chương trình chủ động, có hiệu quả, phù hợp với từng địa bàn, từng loại hình doanh nghiệp; chuyển từ cơ quan hành chính vận động đầu tư là chính sang các doanh nghiệp trực tiếp vận động đầu tư. Tăng cường công tác cán bộ và đào tạo công nhân kỹ thuật □